



CÔNG TY CỔ PHẦN 2DE VIỆT NAM

Trụ sở: Số 6, Đường Đặc 7 Nội, Cụm 8, Xã Liên Minh, TP. Hà Nội
Nhà máy 1: Số 54, Đường Yên Bình, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội
Nhà máy 2: KM 16 + 390 Đại lộ Thăng Long, Xã Quốc Oai, TP. Hà Nội
Hotline: 0926.33.83.86
Website: <https://2de.com.vn/>



BẢNG GIÁ MÁNG CÁP INOX 201 KHÔNG SƠN

(Áp dụng từ ngày 01/01/2026)

1, Bảng giá máng cáp Inox 201 không sơn chưa bao gồm vận chuyển, chưa bao gồm VAT.

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
I	MÁNG CÁP 50X50							
1	Máng cáp	50	50	Mét	183,800	217,400	267,700	351,700
2	Nắp máng cáp	50	50	Mét	72,400	85,500	105,300	138,200
3	Ngã ba T máng cáp	50	50	Cái	220,600	260,900	321,300	422,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	50	50	Cái	86,800	102,600	126,300	165,900
5	Chữ thập X máng cáp	50	50	Cái	275,700	326,100	401,600	527,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	50	50	Cái	108,500	128,300	157,900	207,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	50	50	Cái	202,200	239,100	294,500	386,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	50	50	Cái	79,600	94,100	115,800	152,100
II	MÁNG CÁP 60X40							
1	Máng cáp	60	40	Mét	173,600	205,300	252,900	332,100
2	Nắp máng cáp	60	40	Mét	82,400	97,400	119,900	157,400
3	Ngã ba T máng cáp	60	40	Cái	208,300	246,400	303,400	398,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	60	40	Cái	98,900	116,800	143,900	188,900
5	Chữ thập X máng cáp	60	40	Cái	260,400	307,900	379,300	498,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	60	40	Cái	123,600	146,000	179,800	236,100
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	60	40	Cái	191,000	225,800	278,100	365,400
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	60	40	Cái	90,600	107,100	131,900	173,100
III	MÁNG CÁP 75X50							
1	Máng cáp	75	50	Mét	209,400	247,600	304,900	400,500
2	Nắp máng cáp	75	50	Mét	97,400	115,200	141,800	186,200
3	Ngã ba T máng cáp	75	50	Cái	251,200	297,100	365,900	480,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	75	50	Cái	116,900	138,200	170,100	223,400
5	Chữ thập X máng cáp	75	50	Cái	314,000	371,300	457,400	600,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	75	50	Cái	146,100	172,700	212,600	279,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	75	50	Cái	230,300	272,300	335,400	440,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	75	50	Cái	107,200	126,700	156,000	204,800
IV	MÁNG CÁP 100X50							
1	Máng cáp	100	50	Mét	234,900	277,800	342,100	449,400
2	Nắp máng cáp	100	50	Mét	122,500	144,800	178,300	234,100
3	Ngã ba T máng cáp	100	50	Cái	281,900	333,300	410,500	539,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	50	Cái	147,000	173,700	213,900	280,900

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM							
5	Chữ thập X máng cáp	100	50	Cái	352,300	416,600	513,100	674,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	50	Cái	183,700	217,200	267,400	351,100
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	50	Cái	258,400	305,500	376,300	494,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	50	Cái	134,700	159,300	196,100	257,500
V	MÁNG CÁP 100X75							
1	Máng cáp	100	75	Mét	285,900	338,100	416,500	547,000
2	Nắp máng cáp	100	75	Mét	122,500	144,800	178,300	234,100
3	Ngã ba T máng cáp	100	75	Cái	343,100	405,700	499,700	656,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	75	Cái	147,000	173,700	213,900	280,900
5	Chữ thập X máng cáp	100	75	Cái	428,900	507,200	624,700	820,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	75	Cái	183,700	217,200	267,400	351,100
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	75	Cái	314,500	371,900	458,100	601,700
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	75	Cái	134,700	159,300	196,100	257,500
VI	MÁNG CÁP 100X100							
1	Máng cáp	100	100	Mét	337,000	398,500	490,800	644,700
2	Nắp máng cáp	100	100	Mét	122,500	144,800	178,300	234,100
3	Ngã ba T máng cáp	100	100	Cái	404,400	478,200	589,000	773,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	100	Cái	147,000	173,700	213,900	280,900
5	Chữ thập X máng cáp	100	100	Cái	505,500	597,700	736,200	967,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	100	Cái	183,700	217,200	267,400	351,100
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	100	Cái	370,700	438,400	539,900	709,200
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	100	Cái	134,700	159,300	196,100	257,500
VII	MÁNG CÁP 150X50							
1	Máng cáp	150	50	Mét	285,900	338,100	416,500	547,000
2	Nắp máng cáp	150	50	Mét	172,600	204,000	251,300	330,000
3	Ngã ba T máng cáp	150	50	Cái	343,100	405,700	499,700	656,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	50	Cái	207,100	244,800	301,500	395,900
5	Chữ thập X máng cáp	150	50	Cái	428,900	507,200	624,700	820,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	50	Cái	258,900	306,000	376,900	494,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	50	Cái	314,500	371,900	458,100	601,700
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	50	Cái	189,800	224,400	276,400	362,900
VIII	MÁNG CÁP 150X75							
1	Máng cáp	150	75	Mét	337,000	398,500	490,800	644,700
2	Nắp máng cáp	150	75	Mét	172,600	204,000	251,300	330,000
3	Ngã ba T máng cáp	150	75	Cái	404,400	478,200	589,000	773,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	75	Cái	207,100	244,800	301,500	395,900
5	Chữ thập X máng cáp	150	75	Cái	505,500	597,700	736,200	967,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	75	Cái	258,900	306,000	376,900	494,900

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	75	Cái	370,700	438,400	539,900	709,200
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	75	Cái	189,800	224,400	276,400	362,900
IX	MÁNG CÁP 150X100							
1	Máng cáp	150	100	Mét	388,000	458,900	565,200	742,400
2	Nắp máng cáp	150	100	Mét	172,600	204,000	251,300	330,000
3	Ngã ba T máng cáp	150	100	Cái	465,600	550,600	678,200	890,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	100	Cái	207,100	244,800	301,500	395,900
5	Chữ thập X máng cáp	150	100	Cái	582,000	688,300	847,700	1,113,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	100	Cái	258,900	306,000	376,900	494,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	100	Cái	426,800	504,800	621,700	816,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	100	Cái	189,800	224,400	276,400	362,900
X	MÁNG CÁP 200X50							
1	Máng cáp	200	50	Mét	337,000	398,500	490,800	644,700
2	Nắp máng cáp	200	50	Mét	222,700	263,300	324,200	425,800
3	Ngã ba T máng cáp	200	50	Cái	404,400	478,200	589,000	773,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	50	Cái	267,200	316,000	389,100	511,000
5	Chữ thập X máng cáp	200	50	Cái	505,500	597,700	736,200	967,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	50	Cái	334,000	394,900	486,300	638,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	50	Cái	370,700	438,400	539,900	709,200
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	50	Cái	245,000	289,600	356,700	468,400
XI	MÁNG CÁP 200X75							
1	Máng cáp	200	75	Mét	388,000	458,900	565,200	742,400
2	Nắp máng cáp	200	75	Mét	222,700	263,300	324,200	425,800
3	Ngã ba T máng cáp	200	75	Cái	465,600	550,600	678,200	890,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	75	Cái	267,200	316,000	389,100	511,000
5	Chữ thập X máng cáp	200	75	Cái	582,000	688,300	847,700	1,113,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	75	Cái	334,000	394,900	486,300	638,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	75	Cái	426,800	504,800	621,700	816,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	75	Cái	245,000	289,600	356,700	468,400
XII	MÁNG CÁP 200X100							
1	Máng cáp	200	100	Mét	439,100	519,200	639,500	840,100
2	Nắp máng cáp	200	100	Mét	222,700	263,300	324,200	425,800
3	Ngã ba T máng cáp	200	100	Cái	526,900	623,100	767,400	1,008,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	100	Cái	267,200	316,000	389,100	511,000
5	Chữ thập X máng cáp	200	100	Cái	658,600	778,800	959,300	1,260,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	100	Cái	334,000	394,900	486,300	638,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	100	Cái	483,000	571,200	703,500	924,100

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MĂNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	100	Cái	245,000	289,600	356,700	468,400
XIII	MĂNG CÁP 250X50							
1	Máng cáp	250	50	Mét	388,000	458,900	565,200	742,400
2	Nắp máng cáp	250	50	Mét	272,800	322,600	397,200	521,700
3	Ngã ba T máng cáp	250	50	Cái	465,600	550,600	678,200	890,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	50	Cái	327,400	387,100	476,600	626,000
5	Chữ thập X máng cáp	250	50	Cái	582,000	688,300	847,700	1,113,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	50	Cái	409,200	483,800	595,800	782,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	50	Cái	426,800	504,800	621,700	816,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	50	Cái	300,100	354,800	436,900	573,800
XIV	MĂNG CÁP 250X75							
1	Máng cáp	250	75	Mét	439,100	519,200	639,500	840,100
2	Nắp máng cáp	250	75	Mét	272,800	322,600	397,200	521,700
3	Ngã ba T máng cáp	250	75	Cái	526,900	623,100	767,400	1,008,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	75	Cái	327,400	387,100	476,600	626,000
5	Chữ thập X máng cáp	250	75	Cái	658,600	778,800	959,300	1,260,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	75	Cái	409,200	483,800	595,800	782,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	75	Cái	483,000	571,200	703,500	924,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	75	Cái	300,100	354,800	436,900	573,800
XV	MĂNG CÁP 250X100							
1	Máng cáp	250	100	Mét	490,100	579,600	713,900	937,700
2	Nắp máng cáp	250	100	Mét	272,800	322,600	397,200	521,700
3	Ngã ba T máng cáp	250	100	Cái	588,200	695,500	856,700	1,125,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	100	Cái	327,400	387,100	476,600	626,000
5	Chữ thập X máng cáp	250	100	Cái	735,200	869,400	1,070,800	1,406,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	100	Cái	409,200	483,800	595,800	782,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	100	Cái	539,200	637,600	785,300	1,031,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	100	Cái	300,100	354,800	436,900	573,800
XVI	MĂNG CÁP 300X50							
1	Máng cáp	300	50	Mét	439,100	519,200	639,500	840,100
2	Nắp máng cáp	300	50	Mét	322,900	381,800	470,200	617,500
3	Ngã ba T máng cáp	300	50	Cái	526,900	623,100	767,400	1,008,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	50	Cái	387,500	458,200	564,200	741,000
5	Chữ thập X máng cáp	300	50	Cái	658,600	778,800	959,300	1,260,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	50	Cái	484,400	572,700	705,300	926,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	50	Cái	483,000	571,200	703,500	924,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	50	Cái	355,200	420,000	517,200	679,300

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
XVII	MÁNG CÁP 300X75							
1	Máng cáp	300	75	Mét	490,100	579,600	713,900	937,700
2	Nắp máng cáp	300	75	Mét	322,900	381,800	470,200	617,500
3	Ngã ba T máng cáp	300	75	Cái	588,200	695,500	856,700	1,125,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	75	Cái	387,500	458,200	564,200	741,000
5	Chữ thập X máng cáp	300	75	Cái	735,200	869,400	1,070,800	1,406,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	75	Cái	484,400	572,700	705,300	926,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	75	Cái	539,200	637,600	785,300	1,031,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	75	Cái	355,200	420,000	517,200	679,300
XVIII	MÁNG CÁP 300X100							
1	Máng cáp	300	100	Mét	541,200	640,000	788,200	1,035,400
2	Nắp máng cáp	300	100	Mét	322,900	381,800	470,200	617,500
3	Ngã ba T máng cáp	300	100	Cái	649,400	768,000	945,900	1,242,500
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	100	Cái	387,500	458,200	564,200	741,000
5	Chữ thập X máng cáp	300	100	Cái	811,800	960,000	1,182,300	1,553,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	100	Cái	484,400	572,700	705,300	926,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	100	Cái	595,300	704,000	867,100	1,138,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	100	Cái	355,200	420,000	517,200	679,300
XIX	MÁNG CÁP 350X50							
1	Máng cáp	350	50	Mét	490,100	579,600	713,900	937,700
2	Nắp máng cáp	350	50	Mét	373,000	441,100	543,200	713,400
3	Ngã ba T máng cáp	350	50	Cái	588,200	695,500	856,700	1,125,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	50	Cái	447,600	529,300	651,800	856,100
5	Chữ thập X máng cáp	350	50	Cái	735,200	869,400	1,070,800	1,406,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	50	Cái	559,500	661,600	814,700	1,070,100
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	50	Cái	539,200	637,600	785,300	1,031,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	50	Cái	410,300	485,200	597,500	784,700
XX	MÁNG CÁP 350X75							
1	Máng cáp	350	75	Mét	541,200	640,000	788,200	1,035,400
2	Nắp máng cáp	350	75	Mét	373,000	441,100	543,200	713,400
3	Ngã ba T máng cáp	350	75	Cái	649,400	768,000	945,900	1,242,500
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	75	Cái	447,600	529,300	651,800	856,100
5	Chữ thập X máng cáp	350	75	Cái	811,800	960,000	1,182,300	1,553,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	75	Cái	559,500	661,600	814,700	1,070,100
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	75	Cái	595,300	704,000	867,100	1,138,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	75	Cái	410,300	485,200	597,500	784,700
XXI	MÁNG CÁP 350X100							
1	Máng cáp	350	100	Mét	592,200	700,400	862,600	1,133,100
2	Nắp máng cáp	350	100	Mét	373,000	441,100	543,200	713,400

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
3	Ngã ba T máng cáp	350	100	Cái	710,700	840,400	1,035,100	1,359,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	100	Cái	447,600	529,300	651,800	856,100
5	Chữ thập X máng cáp	350	100	Cái	888,300	1,050,500	1,293,900	1,699,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	100	Cái	559,500	661,600	814,700	1,070,100
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	100	Cái	651,500	770,400	948,900	1,246,400
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	100	Cái	410,300	485,200	597,500	784,700
XXII	MÁNG CÁP 400X50							
1	Máng cáp	400	50	Mét	541,200	640,000	788,200	1,035,400
2	Nắp máng cáp	400	50	Mét	423,100	500,300	616,200	809,300
3	Ngã ba T máng cáp	400	50	Cái	649,400	768,000	945,900	1,242,500
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	50	Cái	507,800	600,400	739,400	971,100
5	Chữ thập X máng cáp	400	50	Cái	811,800	960,000	1,182,300	1,553,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	50	Cái	634,700	750,500	924,200	1,213,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	50	Cái	595,300	704,000	867,100	1,138,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	50	Cái	465,500	550,400	677,800	890,200
XXIII	MÁNG CÁP 400X100							
1	Máng cáp	400	100	Mét	643,300	760,700	937,000	1,230,800
2	Nắp máng cáp	400	100	Mét	423,100	500,300	616,200	809,300
3	Ngã ba T máng cáp	400	100	Cái	772,000	912,900	1,124,300	1,476,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	100	Cái	507,800	600,400	739,400	971,100
5	Chữ thập X máng cáp	400	100	Cái	964,900	1,141,100	1,405,400	1,846,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	100	Cái	634,700	750,500	924,200	1,213,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	100	Cái	707,600	836,800	1,030,700	1,353,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	100	Cái	465,500	550,400	677,800	890,200
XXIV	MÁNG CÁP 400X150							
1	Máng cáp	400	150	Mét	745,400	881,500	1,085,700	1,426,100
2	Nắp máng cáp	400	150	Mét	423,100	500,300	616,200	809,300
3	Ngã ba T máng cáp	400	150	Cái	894,500	1,057,800	1,302,800	1,711,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	150	Cái	507,800	600,400	739,400	971,100
5	Chữ thập X máng cáp	400	150	Cái	1,118,100	1,322,200	1,628,500	2,139,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	150	Cái	634,700	750,500	924,200	1,213,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	150	Cái	819,900	969,600	1,194,200	1,568,700
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	150	Cái	465,500	550,400	677,800	890,200
XXV	MÁNG CÁP 500X50							
1	Máng cáp	500	50	Mét	643,300	760,700	937,000	1,230,800
2	Nắp máng cáp	500	50	Mét	523,400	618,800	762,100	1,001,000
3	Ngã ba T máng cáp	500	50	Cái	772,000	912,900	1,124,300	1,476,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	50	Cái	628,000	742,600	914,500	1,201,200
5	Chữ thập X máng cáp	500	50	Cái	964,900	1,141,100	1,405,400	1,846,100

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	50	Cái	785,000	928,200	1,143,200	1,501,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	50	Cái	707,600	836,800	1,030,700	1,353,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	50	Cái	575,700	680,700	838,300	1,101,100
XXVI	MÁNG CÁP 500X100							
1	Máng cáp	500	100	Mét	745,400	881,500	1,085,700	1,426,100
2	Nắp máng cáp	500	100	Mét	523,400	618,800	762,100	1,001,000
3	Ngã ba T máng cáp	500	100	Cái	894,500	1,057,800	1,302,800	1,711,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	100	Cái	628,000	742,600	914,500	1,201,200
5	Chữ thập X máng cáp	500	100	Cái	1,118,100	1,322,200	1,628,500	2,139,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	100	Cái	785,000	928,200	1,143,200	1,501,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	100	Cái	819,900	969,600	1,194,200	1,568,700
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	100	Cái	575,700	680,700	838,300	1,101,100
XXVII	MÁNG CÁP 500X150							
1	Máng cáp	500	150	Mét	847,500	1,002,200	1,234,400	1,621,500
2	Nắp máng cáp	500	150	Mét	523,400	618,800	762,100	1,001,000
3	Ngã ba T máng cáp	500	150	Cái	1,017,000	1,202,700	1,481,300	1,945,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	150	Cái	628,000	742,600	914,500	1,201,200
5	Chữ thập X máng cáp	500	150	Cái	1,271,200	1,503,300	1,851,600	2,432,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	150	Cái	785,000	928,200	1,143,200	1,501,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	150	Cái	932,300	1,102,400	1,357,800	1,783,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	150	Cái	575,700	680,700	838,300	1,101,100
XXVIII	MÁNG CÁP 600X100							
1	Máng cáp	600	100	Mét	847,500	1,002,200	1,234,400	1,621,500
2	Nắp máng cáp	600	100	Mét	623,600	737,400	908,100	1,192,700
3	Ngã ba T máng cáp	600	100	Cái	1,271,200	1,503,300	1,851,600	2,432,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	100	Cái	935,400	1,106,000	1,362,100	1,789,000
5	Chữ thập X máng cáp	600	100	Cái	1,525,500	1,804,000	2,221,900	2,918,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	100	Cái	935,400	1,106,000	1,362,100	1,789,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	100	Cái	1,186,500	1,403,100	1,728,100	2,270,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	100	Cái	685,900	811,100	998,900	1,312,000
XXIX	MÁNG CÁP 600X150							
1	Máng cáp	600	150	Mét	949,600	1,123,000	1,383,100	1,816,800
2	Nắp máng cáp	600	150	Mét	623,600	737,400	908,100	1,192,700
3	Ngã ba T máng cáp	600	150	Cái	1,424,400	1,684,400	2,074,600	2,725,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	150	Cái	935,400	1,106,000	1,362,100	1,789,000
5	Chữ thập X máng cáp	600	150	Cái	1,709,300	2,021,300	2,489,600	3,270,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	150	Cái	935,400	1,106,000	1,362,100	1,789,000

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	150	Cái	1,329,400	1,572,100	1,936,300	2,543,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	150	Cái	685,900	811,100	998,900	1,312,000
XXX	MÁNG CÁP 600X200							
1	Máng cáp	600	200	Mét	1,051,700	1,243,700	1,531,800	2,012,200
2	Nắp máng cáp	600	200	Mét	623,600	737,400	908,100	1,192,700
3	Ngã ba T máng cáp	600	200	Cái	1,577,500	1,865,500	2,297,700	3,018,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	200	Cái	935,400	1,106,000	1,362,100	1,789,000
5	Chữ thập X máng cáp	600	200	Cái	1,893,000	2,238,600	2,757,200	3,621,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	200	Cái	935,400	1,106,000	1,362,100	1,789,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	200	Cái	1,472,400	1,741,200	2,144,500	2,817,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	200	Cái	685,900	811,100	998,900	1,312,000
XXXI	MÁNG CÁP 800X100							
1	Máng cáp	800	100	Mét	1,051,700	1,243,700	1,531,800	2,012,200
2	Nắp máng cáp	800	100	Mét	824,000	974,400	1,200,000	1,576,100
3	Ngã ba T máng cáp	800	100	Cái	1,577,500	1,865,500	2,297,700	3,018,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	100	Cái	1,236,000	1,461,600	1,800,000	2,364,200
5	Chữ thập X máng cáp	800	100	Cái	1,893,000	2,238,600	2,757,200	3,621,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	100	Cái	1,236,000	1,461,600	1,800,000	2,364,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	100	Cái	1,472,400	1,741,200	2,144,500	2,817,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	100	Cái	906,400	1,071,800	1,320,000	1,733,800
XXXII	MÁNG CÁP 800X150							
1	Máng cáp	800	150	Mét	1,153,800	1,364,500	1,680,500	2,207,500
2	Nắp máng cáp	800	150	Mét	824,000	974,400	1,200,000	1,576,100
3	Ngã ba T máng cáp	800	150	Cái	1,730,700	2,046,700	2,520,800	3,311,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	150	Cái	1,236,000	1,461,600	1,800,000	2,364,200
5	Chữ thập X máng cáp	800	150	Cái	2,076,800	2,456,000	3,024,900	3,973,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	150	Cái	1,236,000	1,461,600	1,800,000	2,364,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	150	Cái	1,615,300	1,910,200	2,352,700	3,090,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	150	Cái	906,400	1,071,800	1,320,000	1,733,800
XXXIII	MÁNG CÁP 800X200							
1	Máng cáp	800	200	Mét	1,255,900	1,485,200	1,829,300	2,402,900
2	Nắp máng cáp	800	200	Mét	824,000	974,400	1,200,000	1,576,100
3	Ngã ba T máng cáp	800	200	Cái	1,883,900	2,227,800	2,743,900	3,604,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	200	Cái	1,236,000	1,461,600	1,800,000	2,364,200
5	Chữ thập X máng cáp	800	200	Cái	2,260,600	2,673,300	3,292,600	4,325,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	200	Cái	1,236,000	1,461,600	1,800,000	2,364,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	200	Cái	1,758,300	2,079,300	2,560,900	3,364,000

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	200	Cái	906,400	1,071,800	1,320,000	1,733,800
XXXIV	MÁNG CÁP 1000X100							
1	Máng cáp	1000	100	Mét	1,255,900	1,485,200	1,829,300	2,402,900
2	Nắp máng cáp	1000	100	Mét	1,024,500	1,211,400	1,491,900	1,959,600
3	Ngã ba T máng cáp	1000	100	Cái	1,883,900	2,227,800	2,743,900	3,604,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	100	Cái	1,536,700	1,817,100	2,237,900	2,939,400
5	Chữ thập X máng cáp	1000	100	Cái	2,260,600	2,673,300	3,292,600	4,325,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	100	Cái	1,536,700	1,817,100	2,237,900	2,939,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	100	Cái	1,758,300	2,079,300	2,560,900	3,364,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	100	Cái	1,126,900	1,332,600	1,641,100	2,155,500
XXXV	MÁNG CÁP 1000X150							
1	Máng cáp	1000	150	Mét	1,358,000	1,605,900	1,978,000	2,598,200
2	Nắp máng cáp	1000	150	Mét	1,024,500	1,211,400	1,491,900	1,959,600
3	Ngã ba T máng cáp	1000	150	Cái	2,037,000	2,408,900	2,966,900	3,897,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	150	Cái	1,536,700	1,817,100	2,237,900	2,939,400
5	Chữ thập X máng cáp	1000	150	Cái	2,444,400	2,890,700	3,560,300	4,676,700
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	150	Cái	1,536,700	1,817,100	2,237,900	2,939,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	150	Cái	1,901,200	2,248,300	2,769,100	3,637,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	150	Cái	1,126,900	1,332,600	1,641,100	2,155,500
XXXVI	MÁNG CÁP 1000X200							
1	Máng cáp	1000	200	Mét	1,460,100	1,726,700	2,126,700	2,793,600
2	Nắp máng cáp	1000	200	Mét	1,024,500	1,211,400	1,491,900	1,959,600
3	Ngã ba T máng cáp	1000	200	Cái	2,190,200	2,590,000	3,190,000	4,190,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	200	Cái	1,536,700	1,817,100	2,237,900	2,939,400
5	Chữ thập X máng cáp	1000	200	Cái	2,628,200	3,108,000	3,828,000	5,028,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	200	Cái	1,536,700	1,817,100	2,237,900	2,939,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	200	Cái	2,044,200	2,417,300	2,977,300	3,911,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	200	Cái	1,126,900	1,332,600	1,641,100	2,155,500

- 2, Thời gian giao hàng: - 3-5 ngày kể từ ngày xác nhận đặt hàng và tạm ứng
- 3, Địa điểm giao hàng: - tại kho bên bán
- 4, Hình thức thanh toán: - Tiền mặt hoặc chuyển khoản

+ Chủ TK: Công ty cổ phần 2DE Việt Nam

+ STK: 03366013633888 tại ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi Nhánh Cầu Giấy - Hà Nội
- 5, Điều khoản thanh toán: - Tạm ứng 50%, 50% còn lại thanh toán trước khi giao hàng
- 6, Thời gian bảo hành: - 12 tháng từ ngày bàn giao. Sản phẩm được bảo hành do lỗi nhà sản xuất
- Rất hân hạnh được hợp tác với Quý Khách Hàng!